

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HNGĐST
Ngày: 28-8-2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Dương Minh Ngọc**.
- Bà **Phan Thị Thanh Dung**.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Phụng**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/6/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Trà K, sinh năm: 1996, địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện N, tỉnh Q. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn H, sinh năm: 1996, địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Q. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Trà K trình bày:

Bà K và ông H tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Xuân 2 vào năm 2021. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hạnh phúc, ông H không lo làm ăn, ăn chơi nợ nần. Nay tình cảm vợ chồng đã hết bà K làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

Về con chung có một con tên Huỳnh Bảo Tr, sinh ngày 11/6/2021. Nếu ly hôn bà K yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được nuôi con, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày tại bản tự khai, trong quá trình

giải quyết vụ án và tại phiên toà:

Về điều kiện và thời gian kết hôn ông H đồng ý như bà K khai, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2021 tại UBND xã Tam Xuân 2, huyện Núi Thành; quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do cá nhân và mâu thuẫn gia đình mẹ chồng nàng dâu. Nay bà K làm đơn yêu cầu ly hôn ông H không đồng ý.

Về con chung có một con tên Huỳnh Bảo Tr, sinh ngày 11/6/2021. Nếu ly hôn ông H yêu cầu Toà án giải quyết được nuôi con, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà K ly hôn ông H. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Huỳnh Bảo Tr, sinh ngày 11/6/2021 cho bà K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bà Trần Thị Trà K có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Huỳnh Văn H. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn thì ông H có đăng ký thường trú thôn Vĩnh An, xã Tam Xuân 2, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Trà K và ông Huỳnh Văn H tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Xuân 2, huyện Núi Thành vào năm 2021. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn được các đương sự thừa nhận. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà K là do ông H không lo làm ăn, nợ nần, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc. Ông H thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn do cá nhân ông gây ra.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm hòa giải cho hai bên khắc phục mâu thuẫn quay về đoàn tụ nhưng hòa giải đoàn tụ không thành do bà

K cương quyết ly hôn, cả hai không khắc phục được mâu thuẫn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà K và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà Trần Thị Trà K được ly hôn với ông Huỳnh Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Bà K và ông H có một con chung tên Huỳnh Bảo Tr, sinh ngày 11/6/2021. Cả bà K và ông H đều yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Tr, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Hội đồng xét xử xét thấy: việc giao con cho ai nuôi phải xem xét với điều kiện thực tế và khả năng nuôi dưỡng cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho đứa trẻ, cần phải xem xét toàn diện mọi mặt để đưa ra phán quyết phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đạo đức xã hội. Cháu Huỳnh Bảo Tr còn nhỏ, giới tính nữ rất cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Tại phiên tòa, ông H thừa nhận bà K có đủ khả năng nuôi con, tuy nhiên ông cũng muốn được trực tiếp nuôi con là do ông là cha của đứa trẻ. Do vậy, xét giao cháu Huỳnh Bảo Tr, sinh ngày 11/6/2021 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà K cam đoan có đủ khả năng kinh tế nuôi con và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.6] Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] **Về án phí hôn nhân – đình sơ thẩm:** Bà Trần Thị Trà K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Trà K về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” đối với bị đơn ông Huỳnh Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Trà K được ly hôn với ông Huỳnh Văn H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Huỳnh Bảo Tr, sinh ngày 11/6/2021 cho bà Trần Thị Trà K trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi trưởng thành. Cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt vấn đề giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom và chăm sóc con

chung, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Trà K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006654 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS huyện Núi Thành;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND xã Tam Xuân 2, huyện Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Thùy